

3. Để thực hiện các yêu cầu trên, các Bộ, ngành có liên quan cần thực hiện ngay các công việc sau đây:

Bộ Y tế có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch hoàn thiện công tác cấp cứu phù hợp với tình hình phát triển xã hội; cung cấp và tổ chức tốt hơn nữa hệ thống cấp cứu trong các bệnh viện và phối hợp với các ngành, các đoàn thể, đặc biệt là Hội Chữ thập đỏ để mở rộng hơn nữa mạng lưới sơ cứu, cấp cứu tại chỗ trong nhân dân. Bộ Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra thường xuyên để kịp thời uốn nắn những thiếu sót và xử lý những vi phạm, biểu dương khen thưởng kịp thời những gương người tốt, việc tốt.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm: Triển khai việc cấp giấy chứng nhận cho người bệnh trong diện quá nghèo được miễn nộp một phần viện phí, mua thẻ Bảo hiểm Y tế cho các đối tượng thuộc chính sách quy định tại Nghị định số 95-CP ngày 27-8-1994.

Bộ Tài chính có trách nhiệm: Cấp kinh phí để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội mua thẻ Bảo hiểm Y tế cho các đối tượng thuộc diện chính sách.

Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm: Chỉ đạo công tác tổ chức, bảo đảm cấp cứu người bệnh trong địa phương theo tinh thần Chỉ thị này. Trong trường hợp ngân sách Trung ương không cấp đủ thì ngân sách địa phương phải hỗ trợ trong việc bảo đảm đủ thuốc, trang thiết bị dụng cụ y tế và phương tiện vận chuyển trong cấp cứu người bệnh.

4. Giao cho Bộ trưởng Bộ Y tế phối hợp với các Bộ có liên quan hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện lên Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tổ chức triển khai thực hiện ngay.

Thủ tướng Chính phủ
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 664-TTg ngày 18-10-1995 về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 19 tháng 8 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp tại Tờ trình số 1295-CNR ngày 20-5-1995,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Các nhóm sản phẩm chủ yếu nêu trong Quyết định này là các loại sản phẩm chế biến từ gỗ hoặc gỗ kết hợp với các loại vật liệu khác được hiểu như sau:

1. Hàng mỹ nghệ (bao gồm các sản phẩm mỹ nghệ làm thủ công và làm bằng máy, hoặc thủ công kết hợp máy) là những sản phẩm được chế biến bằng công nghệ chạm trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt hoặc sơn mài có giá trị văn hóa, mỹ thuật cao.

2. Hàng mộc cao cấp (bao gồm các loại bàn ghế cà bàn thờ, ghế các loại, giường các loại, kệ cà sập, tủ các loại, kệ cà tủ tường, giá đỡ, giá treo các loại) là những sản phẩm được gia công, chế biến tinh vi, có chạm trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt hoặc sơn mài...

3. Các sản phẩm hoàn chỉnh là các sản phẩm nguyên chiếc hoặc có thể tháo rời, nhưng khi lắp ghép lại có thể dùng được ngay; phải qua các công nghệ bắt buộc gồm: sấy; cắt theo kích thước; bào, soi, rãnh, làm mộng; đánh bóng; trang trí bề mặt.

4. Mức độ gia công, chế biến của các nhóm sản phẩm nêu tại Khoản 1, 2, 3 trên đây không phân biệt gỗ rừng tự nhiên và rừng trồng (trừ nhóm gỗ nguyên liệu giấy quy định tại Khoản 3, Điều 3 dưới đây).

Điều 2.- Cấm xuất khẩu các loại gỗ, lâm sản và sản phẩm chế biến từ gỗ, lâm sản sau đây:

1. Các loại gỗ, lâm sản và sản phẩm chế biến từ các loại gỗ, lâm sản thuộc nhóm IA trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HDBT ngày 17-1-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

2. Gỗ tròn các loại ở mọi quy cách kích thước còn nguyên vỏ, đã bóc vỏ hay đã bào.

3. Gỗ xẻ các loại ở mọi quy cách kích thước chưa bào hoặc đã bào phẳng các mặt.

4. Gỗ bóc làm nguyên liệu sản xuất ván dán.

5. Song và máy nguyên liệu.

6. Cùi gỗ và than hầm từ gỗ hoặc cùi gỗ.
 7. Ván, san tinh chế thuộc nhóm gỗ IA, IIA trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và ván sàn sơ chế thuộc các nhóm gỗ khác.

8. Các loại sản phẩm, bán sản phẩm tiêu hao nhiều nguyên liệu như: xà điện, tà vẹt, cột gỗ các loại (cột điện, cột nhà, cột buồng...), khung cửa ra vào, khung cửa sổ, quan tài các loại (trừ quan tài làm bằng ván nhân tạo), thùng, bệ xe ô-tô các loại, kệ kho, cối pha, palét, nhà tiền chế, phôi sản phẩm...

Điều 3.- Các loại lâm sản và sản phẩm chế biến từ gỗ dưới đây được phép xuất khẩu và do Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cho phép và quy định thủ tục cấp giấy phép sản xuất để xuất khẩu.

1. Các loại sản phẩm là hàng mỹ nghệ, đồ mộc cao cấp chế biến từ gỗ, lâm sản thuộc nhóm IIA trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

2. Các loại sản phẩm hoàn chỉnh không thuộc hàng mỹ nghệ, mộc cao cấp chế biến từ các loại gỗ quý hiếm khác ở trong nước (ngoài các loại gỗ thuộc nhóm IA, IIA quy định tại Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992). Bộ Lâm nghiệp xác định rõ và công bố Danh mục nhóm gỗ quý hiếm thuộc Khoản 2 Điều này.

3. Gỗ lóng bạch đàn, bò đê, các loại keo đến tuổi khai thác ngoài vùng quy hoạch nguyên liệu giấy và nhu cầu nguyên liệu giấy trong nước chưa cần đến.

4. Sản phẩm chế biến từ gốc rễ cây rừng tự nhiên do tận dụng hợp pháp.

5. Các loại sản phẩm chế biến từ nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp.

Điều 4.- Các loại sản phẩm gỗ và lâm sản dưới đây được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu tại Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo giấy phép kinh doanh nhập khẩu của doanh nghiệp và hạn mức gỗ xuất khẩu do Bộ Lâm nghiệp phân bổ hàng năm:

1. Các sản phẩm hoàn chỉnh từ gỗ hoặc gỗ kết hợp với vật liệu khác là hàng mỹ nghệ, đồ mộc cao cấp, hoặc các loại đồ gỗ khác là sản phẩm hoàn chỉnh chế biến từ các loại gỗ thông thường (ngoài các loại gỗ đã quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3 của Quyết định này).

2. Các loại ván dăm, ván sợi, ván dán, gỗ lạng, ván tre ghép, ván gỗ ghép chế biến từ các loại gỗ thông thường nêu ở Khoản 1 Điều 4 và các loại

sản phẩm chế biến từ các loại nguyên ván hoặc ván nói trên kết hợp với các loại vật liệu khác.

3. Các loại sản phẩm chế biến từ tre, nứa, giang, vầu, luồng, trúc, lô ô, song, mây, lá cây rừng hoặc chế biến từ các lâm sản nói trên kết hợp với các loại vật liệu khác.

4. Dăm gỗ, bột gỗ, bột giấy, bột nhang... chế biến từ gỗ, tre, nứa, lô ô... hoặc vỏ cây rừng của các loài cây không thuộc nhóm IA và IIA trong Danh mục kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992.

5. Các loại tinh dầu, tùng hương, nhựa cây rừng.

6. Các lâm sản chưa chế biến: tre, nứa, giang, vầu, luồng, trúc, lô ô.

Điều 5.- Giao Bộ Lâm nghiệp quản lý nghiêm ngặt chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên, đặc biệt gỗ quý, hiếm nhóm IA, IIA quy định tại Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm và phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước dành để chế biến hàng xuất khẩu cho các đối tượng sau:

1. Các doanh nghiệp có đủ giấy phép chế biến gỗ và lâm sản của cơ quan lâm nghiệp có thẩm quyền cấp theo quy định tại Quyết định số 14-CT ngày 15-1-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng đồ gỗ, lâm sản do Bộ Thương mại cấp.

2. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài được Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ và lâm sản đúng với những quy định của Quyết định này.

Điều 6.- Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất, phối hợp với Bộ Thương mại việc nhập khẩu gỗ; thường xuyên phối hợp với các tỉnh, thành phố và các ngành có liên quan kiểm tra việc khai thác gỗ rừng tự nhiên và rừng trồng trong nước đúng chỉ tiêu được duyệt; việc chế biến, xuất khẩu các loại sản phẩm gỗ và lâm sản từ nguồn gỗ trong nước và gỗ nhập khẩu đúng quy định của Quyết định này.

2. Bộ Thương mại có trách nhiệm chỉ đạo chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản cho các doanh nghiệp theo quy định của Quyết định này.

3. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo Hải quan địa phương làm thủ tục xuất khẩu các sản phẩm gỗ và lâm sản cho các doanh nghiệp ghi ở Điều 3 khi có giấy phép sản xuất của Bộ Lâm nghiệp và Điều 4 của Quyết định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thương mại, Bộ Lâm nghiệp và các cơ quan Nhà nước có liên quan quy định lại mức thuế xuất khẩu cho từng nhóm sản phẩm gỗ và lâm sản nêu ở Điều 3 và Điều 4 Quyết định này cho phù hợp với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

5. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo hướng dẫn của các Bộ, ngành chức năng, bảo đảm ngăn chặn kịp thời việc tàng trữ trái phép và xuất khẩu lậu gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành thay thế Quyết định số 624-TTg ngày 29-12-1993 cùng Danh mục kèm theo Quyết định đó.

Bộ Lâm nghiệp phối hợp với Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành Quyết định này; quy định thời hạn xuất khẩu cuối cùng đối với những sản phẩm đã cho phép theo Quyết định số 624-TTg ngày 29-12-1993 trái với quy định của Quyết định này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 682-TTg ngày 21-10-1995
về việc ủy quyền quyết định dự án đầu tư cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 39-CP ngày 27-6-1995 của Chính phủ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 44-CP ngày 15-7-1995 của Chính phủ phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cà phê Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng công ty Cà phê Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cà phê Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án đầu tư nhóm A; được quyền quyết định các dự án đầu tư nhóm C, trường hợp được ủy quyền thi quyết định một số dự án đầu tư nhóm B.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cà phê Việt Nam có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHÁI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 689-TTg ngày 24-10-1995
về việc thành lập Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 23-CP ngày 22-5-1993 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Ban Bí thư Chính phủ;